

Số: 36/2024/QĐST-HNGĐ

Hải Hà, ngày 27 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: chị **Đinh Thị D**, sinh năm 1977.

Nơi thường trú: **thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.**

- Bị đơn: anh **Đinh Văn M**, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: **thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đinh Thị D** và anh **Đinh Văn M**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: anh **Đinh Văn M** và chị **Đinh Thị D** có 02 con chung là **Đinh Thị Ngân H**, sinh ngày 18/6/2011 và **Đinh Văn Việt A**, sinh ngày: 09/10/2014. Anh **Đinh Văn M** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Đinh Thị Ngân H** từ tháng 8 năm 2024 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **Đinh Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Đinh Văn V** Anh từ tháng 8 năm 2024 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Đinh Văn M** và chị **Đinh Thị D** không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung: Anh **Đình Văn M** và chị **Đình Thị D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị **Đình Thị D** tự nguyện chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **Đình Thị D** đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho chị **Đình Thị D** 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005174 ngày 06/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Hải Hà;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vương Thị Thanh**

**Điều 26. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm**

7. Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí, kể cả đối với các vụ án không có giá ngạch.

**Điều 27. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong một số loại việc cụ thể**

5. Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

a) Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. **Trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí;**

d) Trường hợp đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải thì đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung;

1.3	Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch	
a	Từ 6.000.000 đồng trở xuống	300.000 đồng
b	Từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	5% giá trị tài sản có tranh chấp

6. Đối với vụ án liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

b) Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch; trường hợp tại phiên tòa mới thỏa thuận được với nhau thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch;